

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẾN LÚC
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 10/7/2017

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN LÚC, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Chí Cường
2. Bà Nguyễn Thị Oanh Thy

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bến Lức.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Lức tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bến Lức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 234/2017/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 54/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Kim A, sinh năm 1981 (có mặt)

Địa chỉ: Đường số 9, khu phố X, thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Long An.

Bị đơn: Anh Phạm Ngọc B, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 4, xã X, huyện Y, tỉnh Long An.

Đang chấp hành án phạt tù tại Trại giam Long Hoà; địa chỉ: Ấp 9, xã Lương Hoà, huyện Bến Lức, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ghi ngày 11 tháng 4 năm 2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị Kim A trình bày:

Chị A với anh Phạm Ngọc B xác lập quan hệ vợ chồng là do quen biết; được gia đình cha mẹ hai bên đồng ý, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Y ngày 23 tháng 02 năm 2000.

Sau khi cưới vợ chồng thuê nhà trọ sống tại Bình Dương để làm ăn đến năm 2010 thì chuyển về thị trấn Bến Lức, huyện Bến Lức sinh sống. Trong cuộc sống vợ chồng cũng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm sống, nhưng vợ chồng vẫn chung sống đến thời điểm anh B thụ án tại trại giam Long Hòa, xã Lương Hòa, huyện Bến Lức vào năm 2013. Thời gian đầu anh B chấp hành án phạt tù thì chị A có đến thăm vài lần, nhưng sau đó không liên hệ với nhau. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị A yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị A thừa nhận chị và anh B có hai con chung là Phạm Lê Nhật Minh, sinh ngày 09/9/1999 và Phạm Lê Nhật Hào, sinh ngày 06/4/2008. Hiện nay, cả hai cháu Minh và cháu Hào do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị A yêu cầu được nuôi con. Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị A và anh B tự thỏa thuận, nên chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị A xác nhận không có nợ chung với anh B.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 13 tháng 6 năm 2017, bị đơn anh Phạm Ngọc B trình bày:

Anh B thống nhất về quá trình xác lập quan hệ vợ chồng, thủ tục đăng ký kết hôn, đời sống chung vợ chồng, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng sống ly thân từ khi anh B chấp hành án phạt tù như chị A trình bày. Theo lời trình bày của anh B thì khoảng 02 năm đầu khi anh chấp hành án phạt tù thì chị A có đến thăm nhưng sau này thì ít đến thăm anh, nên chị A yêu cầu ly hôn thì anh B đồng ý.

Về con chung: Anh B thừa nhận anh với chị A có hai con chung là Phạm Lê Nhật Minh, sinh ngày 09/9/1999 và Phạm Lê Nhật Hào, sinh ngày 06/4/2008. Hiện nay, cả hai cháu Minh và cháu Hào do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị A yêu cầu được nuôi cả hai con thì anh B đồng ý; anh B không cấp dưỡng nuôi con vì đang chấp hành án phạt tù.

Về tài sản chung: Anh B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh B xác nhận không có nợ chung với chị A.

Tại phiên toà, nguyên đơn chị A vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn anh B vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; đương sự có mặt đã chấp hành pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Bị đơn anh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên toà nhưng có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ. Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Tranh chấp hôn nhân giữa chị A với anh B là do bất đồng quan điểm sống; vợ chồng đã sống ly thân từ khi anh B chấp hành án phạt tù vào năm 2013 cho đến nay, nên chị A yêu cầu ly hôn thì anh B đồng ý.

Chị A với anh B có 02 con chung là Phạm Lê Nhật Minh, sinh ngày 09/9/1999 và Phạm Lê Nhật Hào, sinh ngày 06/4/2008. Khi ly hôn chị A yêu cầu được nuôi hai con thì anh B đồng ý; chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, nên cần ghi nhận sự tự nguyện của đương sự.

Viện kiểm sát cùng cấp đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị A về quan hệ hôn nhân, con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền của Tòa án:* Chị A khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Phạm Ngọc B. Căn cứ theo Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là tranh chấp ly hôn, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bến Lức, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] *Về việc vắng mặt của bị đơn:* Anh Phạm Ngọc B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng đương sự có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[3] *Về phạm vi giải quyết của Hội đồng xét xử:* Theo Đơn khởi kiện, Biên bản ghi lời khai và Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ thì các đương sự chỉ tranh chấp về quan hệ tình cảm vợ chồng, con chung, cấp dưỡng; không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và thừa nhận không có nợ chung. Căn cứ Khoản 1 Điều 5, Khoản 3 Điều 200 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả pháp lý theo quy định pháp luật.

[4] *Về hôn nhân:* Chị A và anh B xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã X, huyện Y, tỉnh Long An ngày 23 tháng 02 năm 2000, là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ.

[5] Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị A với anh B là do bất đồng quan điểm sống; không thương yêu, quý trọng, giúp đỡ nhau; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2013 khi anh B chấp hành án phạt tù cho đến nay. Sau khi anh B chấp hành án phạt tù khoảng 02 năm thì chị A có đến thăm chồng được vài lần sau đó không tiếp tục đến thăm, nên khi chị A yêu cầu ly hôn thì anh B đồng ý. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị A với anh B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Căn cứ Khoản 1 Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị A.

[6] *Về con chung*: Chị A với anh B có hai con chung là Phạm Lê Nhật Minh, sinh ngày 09/9/1999 và Phạm Lê Nhật Hào, sinh ngày 06/4/2008; hiện nay các cháu do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị A yêu cầu được nuôi hai con thì anh B đồng ý; mặt khác, theo nguyện vọng của cháu Minh và cháu Hào thì cả hai cháu đều muốn được tiếp tục sống với mẹ và hiện nay anh B đang chấp hành án phạt tù. Do đó, cần để chị A tiếp tục nuôi cháu Minh và cháu Hào là phù hợp.

[7] *Về nghĩa vụ cấp dưỡng*: Chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện nên cần ghi nhận sự tự nguyện của đương sự; anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

[8] *Về chia tài sản*: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về nợ chung*: Các đương sự đều trình bày không có nên không đề cập.

[10] *Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Chị A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39, Điều 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Áp dụng Khoản 1 Điều 89, 91 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 53, 81, 82, 83, 84 và Khoản 1 Điều 131 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị Kim A đối với anh Phạm Ngọc B.

Về hôn nhân: Chị Lê Thị Kim A được ly hôn với anh Phạm Ngọc B.

Về nuôi con chung: Chị A với anh B có hai con chung là Phạm Lê Nhật Minh, sinh ngày 09/9/1999 và Phạm Lê Nhật Hào, sinh ngày 06/4/2008; hiện nay các cháu do chị A chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn chị A được quyền tiếp tục nuôi hai con.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận sự tự nguyện của chị A không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, nên anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Về án phí:

Chị Lê Thị Kim A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm. Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0005265 ngày 23 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bến Lức sang án phí.

Án xử sơ thẩm, đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Bến Lức;
- Chi cục THADS huyện Bến Lức;
- UBND xã X, huyện Y;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương